

Giải pháp về vốn đối với phát triển kinh tế biển ở Việt Nam

ĐINH XUÂN HẠNG

Kinh tế biển ngày càng có vị trí quan trọng ở nhiều quốc gia, đặc biệt có ý nghĩa hơn đối với quốc gia có bờ biển dài và thêm lục địa rộng lớn như nước ta. Bài viết phân tích tổng quan về kinh tế biển, vai trò của kinh tế biển trong phát triển kinh tế, nêu một số giải pháp để phát triển kinh tế biển, đặc biệt là giải pháp về vốn.

Phát triển kinh tế biển được xem là một vấn đề chiến lược của các quốc gia có biển trên thế giới. Với những lợi thế rất lớn, Việt Nam đang cố gắng tận dụng mọi nguồn lực, trong đó quan trọng nhất là vốn để trở thành một trong những quốc gia mạnh về kinh tế biển. Bởi lẽ, kinh tế biển có vai trò to lớn trong việc phát triển nền kinh tế.

1. Tổng quan về kinh tế biển

1.1. Khái niệm về kinh tế biển

Kinh tế biển là tổng hợp các hoạt động kinh tế thông qua việc tận dụng tối đa các nguồn lực của biển- đại dương để mang lại lợi ích cho các chủ thể kinh tế với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia.

1.2. Các ngành kinh tế biển

Kinh tế biển bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển.

* *Nằm trong tổng thể nền kinh tế, kinh tế biển có thể được nghiên cứu trên 2 phương diện:*

- Phương diện vi mô: đề cập đến các đối tượng riêng lẻ có các hoạt động kinh tế dựa vào biển như hộ gia đình (hoạt động ngư nghiệp, đánh bắt cá, nuôi trồng thủy sản, làm muối...) và các doanh nghiệp (chế biến thủy hải sản, tàu biển, du lịch, vận tải...).

- Phương diện vĩ mô: đề cập đến toàn bộ cục diện kinh tế biển trong đó xem xét các

yếu tố tổng cung và tổng cầu về vốn, hàng hóa trong yêu cầu phát triển kinh tế theo lĩnh vực: khai thác chế biến khoáng sản biển, các nguồn lợi sinh vật biển, giao thông biển, du lịch, dịch vụ hàng hải...

* *Theo tính chất hoạt động từng ngành, kinh tế biển bao gồm các ngành chủ yếu sau:*

- Ngành thủy sản: là ngành đánh bắt, nuôi trồng, chế biến nguồn sinh vật biển. Đây là một ngành truyền thống, đồng thời được phát triển mạnh trong thời gian gần đây ở Việt Nam và hiện nay đang là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

- Kinh tế hàng hải: là các hoạt động phục vụ cho hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa. Ngành kinh tế này bao gồm:

- . Vận tải biển
- . Hệ thống cảng biển
- . Dịch vụ hàng hải và hỗ trợ
- . Công nghiệp tàu biển

- Ngành công nghiệp dầu khí: là ngành khai thác, chế biến (lọc) dầu thô và khí trong lòng biển. Đây là một ngành kinh tế mới mẻ so với các ngành kinh tế khác.

- Ngành du lịch biển: là ngành kinh tế phát huy thế mạnh và tiềm năng của biển để thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần, nâng cao sức khỏe cho khách du lịch trong nước và đến từ các quốc gia trên thế giới.

- Ngành biển tương lai: là ngành khai thác năng lượng thủy triều và sóng, khoáng sản lòng biển sâu, hóa chất trong nước biển và đô thị trên biển. Hiện nay ở Việt Nam chưa có ngành này và bắt đầu đi vào nghiên cứu.

1.3. Những đặc trưng cơ bản của kinh tế biển

- *Kinh tế biển phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.*

Kinh tế biển vận hành chủ yếu dựa vào các nguồn lợi tài nguyên biển được “tồn tại”, bằng hải sản, nước biển, khoáng sản, danh lam thắng cảnh biển...

Tùy theo sự phân bố địa lý, biển của mỗi quốc gia có thể mạnh về mặt này, yếu về mặt khác. Biển mang lại cho con người nguồn lợi về tài nguyên hải sản, khí đốt, đảo, du lịch, hệ thống xây dựng cảng biển... đó chính là ảnh hưởng của tự nhiên đối với kinh tế biển.

- *Kinh tế biển là một lĩnh vực mới phát triển.*

Loài người đã biết đến biển, khai thác các tài nguyên biển từ rất lâu, nhưng là những hoạt động mang tính sơ khai, giản đơn như đánh bắt cá, vận tải biển. Mãi đến 2 thập kỷ trở lại đây, biển – đại dương mới được các nước quan tâm đến một cách có hệ thống. Ngoài những ngành nghề truyền thống (đánh bắt hải sản, kinh tế hàng hải, đóng tàu, làm muối) nhiều ngành kinh tế mới đã ra đời với sự phát triển của khoa học kỹ thuật như công nghiệp dầu khí, nuôi trồng thủy hải sản, du lịch biển. Bên cạnh đó không thể không kể đến nghề biển tương lai (năng lượng thủy triều, khai thác khoáng sản trong lòng biển...). Các ngành nghề này hết sức mới mẻ, nhưng hứa hẹn mang lại lợi ích to lớn cho toàn bộ nền kinh tế và mở ra cơ hội cho sự phát triển xã hội loài người.

- *Kinh tế biển là một lĩnh vực đòi hỏi đầu tư thỏa đáng về khoa học kỹ thuật cao và vốn.*

Hầu hết các ngành nghề trong kinh tế biển ngày nay đều cần đến khoa học công nghệ. Muốn đánh bắt được nhiều hải sản

cần nhiều tàu lớn hiện đại; nuôi trồng thủy sản muốn sản lượng cao cần giống tốt, kỹ thuật tiên tiến, ngành dầu khí cần công nghệ thăm dò, khai thác đến chế biến; ngành du lịch biển cần xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang... Từ đó đòi hỏi kinh tế biển phải có sự đầu tư xứng đáng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đảm bảo về khoa học kỹ thuật và vốn cho sự phát triển các ngành nghề.

1.4. Vai trò của kinh tế biển trong phát triển nền kinh tế

Ngày nay kinh tế biển trở thành động lực để phát triển nền kinh tế. Vai trò đó được thể hiện:

Một là, góp phần đưa ngành thủy sản trở thành một trong những ngành mũi nhọn của nền kinh tế.

Ngành thủy sản đã từng bước vươn lên phát triển một cách mạnh mẽ với cả đánh bắt và nuôi trồng. Hiện nay, thủy sản đang là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia có biển trên thế giới, không chỉ đánh bắt và nuôi trồng thủy sản mà còn mở ra cơ hội cho ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh.

Có thể nói sự phát triển trên của thủy sản đã tác động không nhỏ đến tất cả các lĩnh vực các ngành kinh tế trong xã hội. Nó không chỉ tạo thêm nhiều công ăn việc làm, tạo thêm thu nhập, nâng cao đời sống người dân mà còn tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế ở tầm vĩ mô.

Những tác động cụ thể của ngành thủy sản:

- Làm tăng kim ngạch xuất, nhập khẩu.

- Tăng cường hợp tác, ngoại giao giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

- Sự thay đổi cơ chế, chính sách đối với ngành thủy sản làm thay đổi cơ cấu nông lâm nghiệp, công nghiệp góp phần phân bố lại sản xuất hợp lý và hiệu quả.

Hai là, đưa ngành du lịch biển trở thành ngành công nghiệp mang lại nhiều nguồn lợi cho các quốc gia.

Du lịch biển, với những bãi cát dài thơ mộng, những bờ biển đẹp, danh lam, thắng cảnh nổi tiếng... không chỉ phát huy thế mạnh trong xu hướng du lịch hiện đại mà còn đóng một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế.

Du lịch biển, với việc thu hút hàng triệu lượt khách du lịch đến từ các quốc gia hàng năm, đã thực sự trở thành một ngành công nghiệp không khói, Ngoài việc đem lại thu nhập, giải quyết công ăn việc làm qua các dịch vụ ngày càng phong phú đa dạng. Du lịch biển mang lại cơ hội quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới, để thu hút vốn đầu tư vào các dự án du lịch và các ngành kinh tế khác. Ngoài ra du lịch phát triển còn tạo nguồn thu ngoại tệ tại chỗ rất lớn, từ đó để mở rộng giao lưu kinh tế quốc tế.

Ba là, kinh tế biển đóng vai trò quan trọng đối với phát triển công nghiệp của các quốc gia.

Vai trò của kinh tế biển trong phát triển công nghiệp ảnh hưởng đến các lĩnh vực sau

- Vận tải biển có chi phí vận tải thấp nhất, đường vận chuyển phù hợp nhất và đáp ứng nhu cầu vận tải khối lượng lớn. Hệ thống giao thông biển gắn liền với các khu kinh tế trọng điểm, các cụm cảng (Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn...) nhờ có cảng biển nên đã tạo lợi thế cạnh tranh xuất khẩu nông thủy sản chế biến.

- Phát triển vận tải biển, du lịch biển là yếu tố thúc đẩy công nghiệp đóng tàu. Phát triển đồng bộ cảng biển cùng với hệ thống dịch vụ xếp dỡ, phương tiện, kho bãi để thu hút tàu lớn chuyên chở, góp phần phát triển các ngành kinh tế khác.

- Phát triển kinh tế biển gắn với khai thác dầu khí, khí đốt và khoáng sản.

- Ngành công nghiệp chế biến thủy hải sản được phát triển là nhờ nguyên liệu đầu vào- sản lượng thủy hải sản nuôi trồng và đánh bắt ngày càng tăng.

2. Vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển

2.1. Khái niệm

Vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển là vốn bằng tiền, tài sản, tài nguyên, nguồn nhân lực và các loại vốn vô hình khác (phát minh, sáng chế, thương hiệu, lợi thế vị trí đất đai, mặt nước...) mà mọi thành phần kinh tế đầu tư cho các ngành để phát triển kinh tế biển.

2.2. Các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển

- *Vốn đầu tư trong nước* : đây là nguồn vốn chủ yếu để đầu tư cho phát triển kinh tế biển, bao gồm:

- *Vốn đầu tư của ngân sách nhà nước*: Nhà nước phải đầu tư vốn để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng chung, như hệ thống cảng biển, bờ đê chắn sóng, những công trình dự án vừa làm kinh tế vừa đảm bảo an ninh quốc phòng hoặc các khoản đầu tư cho vay ưu đãi đối với các thành phần tham gia làm kinh tế biển.

- *Vốn đầu tư của các doanh nghiệp, tư nhân*: để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh ở các ngành nghề kinh tế biển mà các doanh nghiệp, tư nhân đầu tư, cần phải có một lượng vốn nhất định. Nguồn vốn này là từ vốn tự có, vốn vay của các NHTM, vốn liên doanh liên kết của các doanh nghiệp, tư nhân...

- *Vốn đầu tư từ nước ngoài*: lĩnh vực kinh tế biển cần có sự đầu tư vốn của bên nước ngoài. Đó là vốn của chính phủ, tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư.

- *Vốn đầu tư gián tiếp(ODA)*: đây là vốn cho vay của một chính phủ, tổ chức quốc tế, được nước chủ nhà dùng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành kinh tế biển hoặc là chính phủ cho các doanh nghiệp trong nước vay lại để đầu tư vào ngành nghề đăng ký.

- *Vốn đầu tư trực tiếp (FDI)*: vốn này là do các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào, dưới các hình thức như liên doanh liên kết, đầu tư 100% vốn vào dự án, BOT, BOTO... các công trình phát triển kinh tế biển.

2.3. Vai trò của vốn đối với phát triển kinh tế biển ở Việt Nam

Vốn là một yếu tố không thể thiếu cho nền kinh tế nói chung và lĩnh vực kinh tế biển nói riêng. Ngoài những cửa cải sẵn có về điều kiện tự nhiên, thể chế chính trị thì vốn đóng vai trò quyết định để các ngành kinh tế biển phát triển, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Vốn đầu tư để xây dựng, nâng cấp cơ sở

hạ tầng, mua sắm các phương tiện, máy móc và tài sản lưu động cho các ngành kinh tế biển phát triển.

Xét trên tổng thể nền kinh tế Việt Nam vai trò này thể hiện ở một số ngành kinh tế chủ yếu trong thời gian qua:

* *Ngành thủy sản*: trong 5 năm (2004-2008) thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế biển với tổng mức vốn đầu tư xây dựng là 30.689 tỷ đồng đã đưa lại kết quả rõ rệt.

BẢNG 1: Vốn đầu tư và kết quả phát triển ngành thủy sản 2004-2008

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả 5 năm 2004-2008	Mức tăng trưởng (%)	
				5 năm	Hàng năm
1	Vốn đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	30.689,00	36,05	8,00
2	Sản lượng khai thác	Nghìn tấn	9.427,00	12,48	2,96
3	Sản lượng nuôi	Nghìn tấn	5.067.80	91,58	17,65
4	Kim ngạch xuất khẩu	1.000USD	11.017.782,00	46,27	9,90
5	Tàu thuyền cơ giới	Nghìn chiếc	8.680,00	11,07	2,66

Nguồn: Báo cáo Chính sách phát triển thủy sản thời kỳ 2001 – 2008 của Bộ Thủy sản.

* *Ngành kinh tế hàng hải*: vốn đầu tư cho kinh tế hàng hải góp phần quan trọng phát triển kinh tế biển:

- Vận tải biển: trong những năm gần đây tốc độ kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 20%/ năm, trong đó có trên 80% tổng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu được vận chuyển từ đường biển.

- Hệ thống cảng biển: hàng năm bình quân vốn đầu tư cho hệ thống cảng biển tăng 40%, lượng hàng hóa được xếp dỡ qua các cảng tăng 17%. Chẳng hạn năm 2007 hàng hóa xếp dỡ qua cảng là 177,5 triệu tấn, năm 2008 là 208,7 triệu tấn.

- Dịch vụ hàng hải và hỗ trợ: cùng với sự phát triển của đội tàu và hệ thống cảng biển, dịch vụ hàng hải và hỗ trợ không ngừng phát triển.

* *Phát triển du lịch biển* :

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ngành Văn hóa- du lịch và các địa phương có biển đã đầu tư một lượng vốn lớn

để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp đầy tiềm năng này.

- Số lượng khách và doanh thu được tăng liên tục qua các năm từ năm 2001 - 2008 khách du lịch quốc tế tăng bình quân là 12,6%/năm, khách du lịch nội địa là 16%/năm.

- Cơ sở vật chất ngành du lịch được tăng cường rõ rệt.

- Tạo nhiều việc làm và trình độ lao động du lịch biển ngày càng tăng.

- Vốn đầu tư cho những phát minh và ứng dụng công nghệ mới cho các ngành kinh tế biển quan trọng.

Vai trò này thể hiện tính hiệu quả của nó ở các ngành kinh tế sau:

* *Công nghệ tàu biển*: công nghệ tàu biển đã được Chính phủ chú trọng đầu tư. Năm 2006 sau đợt phát hành trái phiếu tại Mỹ thành công, Chính phủ đã dành toàn bộ số tiền 70 triệu USD để đầu tư cho Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam. Hiện

nay các nhà máy thuộc Tổng công ty đã đóng những con tàu 3 – 5 vạn tấn và đang xây dựng nhiều dự án nhà máy đóng tàu hiện đại vào loại bậc nhất khu vực Đông Nam Á.

* **Công nghiệp dầu khí:** là ngành mới mẻ so với các ngành kinh tế khác ở Việt Nam, trong những năm qua nhà nước ta đã đầu tư vốn đủ lớn cho ngành kinh tế trọng điểm này, công nghiệp dầu khí đã được trang bị và ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất thế giới ở mọi khâu công việc, từ thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến.

* **Nghề biển tương lai:** Nhà nước đã đầu tư một lượng vốn cho việc nghiên cứu những đề tài lớn về “Nghề biển tương lai”. Đó là nghiên cứu về năng lượng thủy triều và sóng, khai thác khoáng sản lòng biển sâu, hóa chất trong nước biển, đô thị trên biển... Đây là những nghề đòi hỏi hàm lượng khoa học cao, đầu tư nhiều vốn và đã chỉ rõ hướng phát triển để “bắt kịp” với khu vực và thế giới.

- Vốn đầu tư cho kinh tế biển góp phần nâng cao trình độ và phát triển nguồn

nhân lực.

Ngày nay, với đà phát triển nhanh, các nhà quản lý các ngành kinh tế biển yêu cầu lao động trí tuệ, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao ở bất cứ ngành nghề nào. Với các phương tiện đánh bắt hiện đại, ngư dân phải là những người tri thức. Du lịch cần những hướng dẫn viên thông thạo ngoại ngữ, nắm vững các nền văn hóa. Các ngành khai thác dầu khí lại càng cần người có trình độ cao. Tất cả những yêu cầu đó cần đầu tư vốn để đào tạo cơ bản, bồi dưỡng nâng cao, mới phát triển nhanh chóng các ngành kinh tế biển.

- Vốn đầu tư cho kinh tế biển góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội ở nhiều địa phương.

Vốn đầu tư vào ngư nghiệp, du lịch, các dự án đầu tư kinh tế biển tại các tỉnh, thành phố có biển góp phần tăng cường cơ sở hạ tầng và còn thay đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Điển hình cho vai trò này là tỉnh Khánh Hòa.

BẢNG 2: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế biển tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2004 – 2008

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn 2004 - 2008		
			Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ kế hoạch
1	Vốn đầu tư	Tỷ đồng	3.095	3.362	109
2	Tỷ trọng GDP KT biển so với GDP toàn tỉnh	%	20 đến 30	34	113
3	Sản lượng thủy sản khai thác	Tấn	79.082	66.190	84
4	Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	21.644	22.550	112
5	Tổng công suất cảng biển	Triệu tấn	1,8	3,0	167
6	Lượng khách du lịch tuyến đảo	Người	658.000	780.000	119
7	Doanh thu du lịch biển	Tỷ đồng	128	643	502
8	Giải quyết việc làm	Người	180.000	200.000	111

* Nguồn: Báo cáo thường niên của UBND tỉnh Khánh Hòa từ 2004 – 2008.

3. Một số giải pháp về vốn đối với phát triển kinh tế biển Việt Nam

Giải pháp 1: điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách khai thác vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển

Phát triển kinh tế biển là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong những năm qua, đã được cụ thể hóa bằng các Nghị quyết, Quyết định. Các Bộ ngành địa phương cũng đưa ra cơ chế, chính sách cho

phát triển các ngành kinh tế biển theo bộ ngành hoặc địa phương mình, trong đó có chính sách về vốn. Trong quá trình thực hiện đã nảy sinh nhiều bất cập, vướng mắc cần điều chỉnh kịp thời. Hướng điều chỉnh cần tập trung các nội dung:

- Cụ thể hóa trong định hướng phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực có tính đột phá trong kinh tế biển.

- Phân bổ nguồn vốn tích lũy trong nền kinh tế thỏa đáng vào những ngành kinh tế, dự án đầu tư trọng điểm có tính chất quyết định làm "đòn xeo" cho phát triển nền kinh tế.

- Điều chỉnh chính sách đầu tư trong nước cho phù hợp với đổi mới cơ cấu kinh tế của từng ngành, địa phương để phát huy tiềm năng lợi thế về biển, huy động các thành phần kinh tế tham gia.

- Các ngành, địa phương cần có chính sách thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài qua các hình thức liên doanh, hợp tác kinh doanh. Hiện nay một số dự án đầu tư theo hình thức này đang được triển khai có hiệu quả.

- Tăng cường vốn đầu tư thông qua hình thức phát hành trái phiếu công trình để xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông.

Giải pháp 2: tăng cường vốn từ các chủ đầu tư

Chủ đầu tư các dự án phát triển kinh tế biển là Nhà nước, doanh nghiệp và hộ tư nhân cần chủ động tạo lập nguồn vốn để đầu tư theo mục tiêu chiến lược đã đề ra.

- *Vốn ngân sách nhà nước*: nguồn vốn từ NSNN đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế biển, đây có thể coi là "vốn mồi" hay là vốn ban đầu tập trung cho cơ sở hạ tầng và dịch vụ công. Trong những năm tới cần tăng cường vốn NSNN từ các nguồn:

- + Vốn tích lũy hàng năm.
- + Tăng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại chỗ (ngành, địa phương).
- + Phát hành trái phiếu công trình.

Vốn ngân sách Nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực sau:

- + Các dự án nhà máy lọc dầu.
- + Quy hoạch tổng thể thủy sản, giao thông vận tải, du lịch biển và an ninh quốc phòng.
- + Đầu tư nghiên cứu khoa học về kinh tế biển.
- + Đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực.
- + Duy trì hoạt động các đơn vị sự nghiệp kinh tế biển.

- *Vốn của doanh nghiệp và hộ tư nhân*: các doanh nghiệp và hộ tư nhân là các chủ đầu tư vào những ngành nghề kinh doanh nhất định. Họ tạo lập vốn đầu tư từ các nguồn sau:

+ *Vốn tự có*: đây là vốn của chủ sở hữu, gồm vốn tự có ban đầu và vốn trích từ lợi nhuận thu được hàng năm.

+ *Vốn vay ngân hàng thương mại*: vốn tự có của doanh nghiệp và hộ tư nhân chỉ là số có hạn, muốn có được vốn kinh doanh họ phải đi vay NHTM. Và vốn vay NHTM chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn kinh doanh. Vốn vay NHTM tập trung cho phát triển ngành thủy sản, du lịch biển, ngành hàng hải... Các doanh nghiệp và hộ tư nhân cần chuẩn bị các điều kiện vay vốn theo quy định của NHTM thì mới vay đủ vốn theo mục đích đầu tư của mình.

+ *Vốn liên doanh liên kết*: với cơ chế tài chính hiện nay, các doanh nghiệp có thể kêu gọi các doanh nghiệp khác liên doanh, liên kết cùng góp vốn để kinh doanh. Hình thức đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp có một lượng vốn đủ lớn để đầu tư các ngành kinh tế biển.

Nếu là doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa để có điều kiện huy động vốn trên thị trường.

Giải pháp 3: khai thác vốn nước ngoài

Thực hiện phát triển kinh tế biển ở Việt Nam những năm qua, với chủ trương đa

dạng hóa các thành phần kinh tế, ngoài vốn đầu tư của NSNN, các doanh nghiệp và hộ tư nhân trong nước, cần khai thác vốn đầu tư nước ngoài.

- Vốn ODA: tăng cường vay vốn của các Chính phủ và tổ chức quốc tế để đầu tư cho một số dự án hạ tầng biển, đầu tư vào việc trợ giúp kỹ thuật, tư vấn, đào tạo, nhập công nghệ mới chuyển giao cho chương trình kinh tế biển.

- Vốn FDI: khai thác mạnh hơn nữa vốn đầu tư trực tiếp từ các doanh nghiệp nước ngoài, Việt kiều vào lĩnh vực du lịch, hàng hải kể cả đóng sửa chữa tàu. Để tăng cường vốn FDI cần xử lý một số vấn đề:

+ Các bộ, ngành, địa phương tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng.

+ Cải tiến thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch.

+ Thực hiện cơ chế quản lý một cửa tập trung.

+ Đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư.

Các giải pháp hỗ trợ

- *Hình thành các khu kinh tế hoặc đặc khu kinh tế với những vùng có lợi thế vượt trội.*

Khi Chính phủ cho phép hình thành khu kinh tế hay đặc khu kinh tế thì thường đi kèm với những cơ hội đặc biệt. Đó là cơ chế ưu đãi trên các mặt:

+ Quản lý nhà nước đối với khu kinh tế.

+ Cơ chế về sử dụng đất trong khu kinh tế.

+ Cơ chế ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế.

+ Những ưu đãi về thuế, hải quan, vốn đầu tư của NSNN.

Đây là những vấn đề hấp dẫn các nhà đầu tư và từ đó việc thu hút vốn đầu tư cho phát triển vùng kinh tế nhanh chóng trở thành hiện thực.

- *Tổ chức hội thảo, hoạt động văn hóa tầm vóc quốc gia và quốc tế để quảng bá hình ảnh Việt Nam.*

+ Thông qua tổ chức các lễ hội truyền thống như Festival biển, năm du lịch.

+ Tổ chức hội thảo quốc gia và quốc tế với các chủ đề về kinh tế biển để các nhà đầu tư và có ý định đầu tư tham gia.

+ Các bộ, ngành, địa phương đặt quan hệ ngoại giao qua hình thức ký kết giao ước đầu tư với các ngành, tỉnh, thành phố và các nước trong khu vực và trên thế giới.

- *Tập trung các nguồn vốn đầu tư để đầu tư có hiệu quả.*

+ Các nguồn vốn đầu tư của NSNN, quản lý chặt chẽ và phân bổ nguồn đầu tư phù hợp nhu cầu, khả năng khai thác quản lý từng bộ, ngành, địa phương.

+ Nguồn vốn huy động từ các trung gian tài chính để cho vay các doanh nghiệp, thông qua hình thức đồng tài trợ các dự án, đầu tư lớn. Huy động vốn đầu tư từ quỹ đất trong những khu kinh tế đặc khu (đổi đất lấy hạ tầng).

Tiến ra biển Đông đang là chiến lược của nhiều quốc gia có biển trong thế kỷ XXI. Phát triển kinh tế biển để tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội là định hướng đặt ra cho nước ta. Để kinh tế biển phát triển đúng định hướng đó, vấn đề đặt ra là tìm ra giải pháp hợp lý, đồng bộ để khai thác mọi nguồn vốn đầu tư. Đó là nhân tố quan trọng để khai thác tiềm năng biển Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo chiến lược kinh tế biển của Việt Nam đến năm 2020 của Viện Chiến lược, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Huỳnh Thế Du, Vũ Thành Tự Anh: Cơ hội nào cho ngành đóng tàu Việt Nam, kinh nghiệm phát triển ngành đóng tàu. Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 13-02-2006.

3. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Khóa X, Đề án chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

4. Phan Đức, Phát triển bền vững kinh tế biển, Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 171, ngày 28-8-2006.

Hà Linh: Ngân hàng và thị trường vốn. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 112, ngày 6-6-2006.

5. Quang Phúc: Thêm kênh huy động vốn cho doanh nghiệp. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 113, ngày 07-06-2006.